TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11-10 -2018
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con, khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Hoa Lư.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đặng Văn Hai;

Bà: Quang Kim Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Anh Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018 tại phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2018/TLST-HNGĐ, ngày 13/7/2018 "V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con, khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 9 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 426/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 24/9/2018; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Thị Thanh T, s*inh năm*: 1979. (có mặt)

Địa chỉ: 203A/5 ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Đ.

- *Bị đơn*: Lương Thanh N, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 1, xã B, huyện C, tỉnh Đ.

Tạm trú: 203A/5 ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18/6/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Vào năm 2000 chị T và anh N tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn ngày 03/5/2007 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đ. Thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường cự cải, không quan tâm đến nhau, anh N không quan tâm, lo lắng cho vợ con vì

thế mà đới sống vợ chồng không còn tình cảm và chị T quyết định nộp đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh N.

Về con chung: Quá trình sống chúng chị T và anh N có một con chung tên Lương Nguyên B, sinh ngày 12/12/2005, con chung hiện nay đang sống với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Lương Nguyên B và không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn Lương Thanh N đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo luật định nhưng anh N vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai và cũng không có văn bản phản bác về việc yêu cầu xin ly hôn của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyễn Thị Thanh T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa Nguyễn Thị Thanh T với anh Lương Thanh N và anh N có nơi cư trú tại ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Đ thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện L theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn Lương Thanh N đã được Tòa án thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng bị đơn Nguyễn Văn M vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Lương Thanh N có tổ chức đám cưới năm 2000, đến ngày 03/5/2007 tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không chăm sóc lẫn nhau và chị T và anh N đã xa nhau từ năm tháng 6 năm 2016 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài. Chị T khẳng định không còn tình cảm với anh N. Mặc dù, Tòa án đã kiên trì hòa giải nhưng chị T vẫn cương quyết ly hôn với anh N. Đối với anh N từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa anh N vẫn vắng mặt và cũng không có văn bản phản bác ý kiến về việc yêu cầu của chị T chứng tỏ anh N đã từ bỏ cuộc hôn nhân với chị Trúc. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh N là trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt nên thỏa

mãn các điều kiện theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Nguyễn Thị Thanh T là có căn cứ.

[3] Về con chung và cấp dưỡng: Chị T và anh N có một con chung tên Lương Nguyên B, sinh ngày 12/12/2005, Nguyên B hiện nay đang sống với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung Lương Nguyên B không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy thời gian qua vợ chông xa nhau thì chị T là người trực tiếp nuôi Nguyên B, chị T vẫn chăm sóc tốt cho Nguyên B về thể chất lẫn tinh thần. Hơn nữa, Nguyên B có ý kiến tại tờ tường trình ngày 18/6/2018 có nguyện vọng được sống với chị T. Do đó Hội đồng xét thấy cần giao Lương Nguyên B cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp theo Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Lương Thanh N.

2. Về con chung và cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Thanh T được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Lương Nguyên B, sinh ngày 12/12/2005 và anh Lương Thanh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Nguyễn Thị Thanh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở Lương Thanh N trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn.

3. Về án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm: Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 300.000 đồng. Được khấu trừ 300.000 đồng mà Nguyễn Thị Thanh T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0001310, ngày 13/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đ.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/10/2018). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Tô Thị Hoa Lư